TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2024

"V/v Ly hôn giữa bà Thảo và ông Long"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Lê Thị Kiều Oanh;

2. Ông Trần Quang Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số F, đường L, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt);

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Huỳnh Cao L**, sinh năm 1978; tạm trú: Số D, đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Huỳnh Cao L quen biết nhau, tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 09/11/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; bà T và ông L sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tình tình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay, bà T yêu cầu giải quyết cho bà T được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T và ông L không có con;

Về tài sản chung: Bà T và ông L tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn ông, bà không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông L vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, ông L không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện; ông L vắng mặt đến lần thứ hai. Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Huỳnh Cao L, ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông L cư trú tại số D, đường N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông L vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, bà T và ông L sống ly thân nhau, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ông, bà không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn tranh chấp của ông, bà; trong thời kỳ hôn nhân giữa ông, bà không có con chung nên không làm phát sinh quyền nghĩa vụ đối với con; bà T xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp, đã ly thân không hàn gắn được tình cảm vợ chồng; ông L không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn, tài sản chung, nợ chung và con chung. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông L tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định do đó quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi xảy ra mâu thuẫn bà T đã có thời gian sống ly thân và không còn tình cảm vợ chồng với ông L, quá trình giải quyết cũng như tại đơn xin vắng mặt bà T kiên quyết giữ quan điểm ly hôn; xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung trong việc xây dựng gia đình, bà T và ông L có thời gian dài để suy nghĩ và cho nhau cơ hội nhưng không hàn gắn tình cảm được, bà T vẫn cương quyết ly hôn cho thấy mâu thuẫn trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông L.

[2.2] Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết;

[2.3] Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông L nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông, bà không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đồng, ông L không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Huỳnh Cao L;

1.2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết;

1.3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0002347 ngày 07/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường 1, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đoàn Thị Kim Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ....

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ….. giờ ….. phút, ngày 09 tháng 01 năm 2024;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Oanh;

2. Ông Trần Quang Đông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023, về việc "Tranh chấp Xin ly hôn" giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 63/22, đường Lê Văn Tám, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt);

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Huỳnh Cao Long**, sinh năm 1978; tạm trú: Số 40/8, đường Ngô Quyền, Phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh Thảo và ông Nguyễn Huỳnh Cao Long;

1.2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết;

1.3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0002347 ngày 07/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Thảo đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi ….. giờ …… phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ....

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ....

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường 1, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến